

Bản án số: 182/2024/DS-ST  
Ngày: 08-11-2024  
“*V/v tranh chấp hợp  
đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngoan  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thu Trang  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan  
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Huy T, sinh năm 1966, địa chỉ: số 964, ấp H1, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1990, địa chỉ: số 28, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Lê Thị M, sinh năm 1970, cùng địa chỉ: số 142, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa bà N, ông Đ, bà M vắng mặt; các đương sự có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ khác cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Phan Huy T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Yến N trình bày:*

Vào năm 2020, ông T có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Đ và bà M. Hai bên thỏa thuận ông T sẽ giao thức ăn cho ông Đ và bà M, hai bên có ghi sổ giao nhận, khi nào ông Đ và bà M bán vật nuôi sẽ thanh toán tiền nợ thức ăn. Đến ngày 10/02/2023, hai bên cộng sổ tổng số tiền thức ăn ông Đ và bà M còn nợ ông T là 143.911.000 (một trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm mười một nghìn) đồng. Ngày 13/02/2023, ông T có trừ tiền đầu bao và tiền hỗ trợ thì số tiền nợ ông Đ và

bà M phải trả là 137.006.000 (một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm lẻ sáu nghìn) đồng. Sau đó ông Đ và bà M đã trả số tiền 117.006.000 (một trăm mười bảy triệu, không trăm lẻ sáu nghìn) đồng, còn nợ lại 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ngày 23/8/2024, ông T có yêu cầu ông Đ và bà M viết xác nhận nợ nhưng đến nay ông Đ và bà M vẫn không trả nợ cho ông.

Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà M có trách Nệm liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và lãi chậm trả kể từ ngày 13/02/2023 cho đến ngày xét xử 08/11/2024 là 20 tháng 26 ngày theo lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 3.463.000 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Do bận việc không thể tham gia phiên tòa được, vì vậy bà N đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2024, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 17/10/2024, ông Trương Văn Đ và bà Lê Thị M trình bày:*

Khoảng cuối năm 2022, đầu năm 2023, ông Đ và bà M có mua thức ăn để chăn nuôi gà của ông T theo hình thức bao chuồng, có nghĩa là ông T giao thức ăn cho ông Đ, bà M. Sau khi vợ chồng ông Đ bà M xuất chuồng bán gà nào thì sẽ thanh toán tiền thức ăn nuôi bán gà đó cho ông T. Ông Đ và bà M có nợ ông T số tiền 143.911.000 (một trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm mười một nghìn) đồng. Đến ngày 12/3/2023, ông Đ và bà M đã trả cho ông T số tiền 117.006.000 (một trăm mười bảy triệu, không trăm lẻ sáu nghìn) đồng, còn nợ lại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ông Đ và bà M đồng ý trả cho ông T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, không đồng ý trả lãi chậm trả do đang gặp khó khăn. Ông Đ và bà M xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông Đ và bà M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Huy T khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn Đ và bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn còn nợ, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn ông Đ, bà M có nơi cư trú tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền nợ từ việc mua bán thức ăn chăn nuôi gà là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 0.83% kể từ ngày 13/2/2023 cho đến ngày xét xử. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là sổ theo dõi giao thức ăn, giấy nhận nợ của bà M.

Bị đơn ông Đ, bà M cũng thừa nhận có mua thức ăn gia súc của ông T từ năm 2023 để nuôi gà với hình thức gói đầu, ông Đ và bà M có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho ông T sau mỗi đợt xuất chuồng bán gà. Hai bên đều thống nhất, đến ngày 10/02/2023, tổng số tiền thức ăn ông Đ và bà M còn nợ ông T sau khi trừ tiền đầu bao, tiền hỗ trợ là 137.006.000 (một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm lẻ sáu

ngàn) đồng. Sau đó ông Đ và bà M đã trả cho ông T số tiền 117.006.000 (một trăm mười bảy triệu, không trăm lẻ sáu ngàn) đồng, còn nợ lại 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho đến hôm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Theo thỏa thuận của hai bên, bên mua có trách nhiệm trả số tiền thức ăn sau mỗi đợt bán gà. Đến nay đã quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận của hai bên nhưng ông Đ và bà M không thực hiện nghĩa vụ của mình nên việc ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà M có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông Đ và bà M trả lãi chậm trả kể từ ngày 10/02/2023 cho đến ngày xét xử 08/11/2024 theo lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015: “3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ Luật này” nên có cơ sở chấp nhận. Lãi chậm trả được tính từ ngày 10/02/2023 đến ngày 08/11/2024 như sau: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng x 0.83% x 20 tháng 26 ngày = 3.463.866 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm sáu mươi sáu) đồng. Ông T yêu cầu số tiền lãi 3.463.000 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn) đồng, bỏ số lẻ là phù hợp. Ông Đ và bà M có ý kiến không đồng ý trả lãi chậm trả do đang gặp khó khăn. Ý kiến này không được nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những lập luận trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.463.000 (hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn) đồng x 5% = 1.173.150 (một triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm năm mươi) đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận, vì vậy ông Đ và bà M có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Huy T. Buộc ông Trương Văn Đ và bà Lê Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Huy T số tiền gốc và lãi còn nợ là 23.463.000 (hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn)

đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tiền lãi là 3.463.000 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[2] Về án phí:

- Ông Trương Văn Đ và bà Lê Thị M có trách Nệm liên đới nộp số tiền án phí là 1.173.150 (một triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm năm mươi) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Phan Huy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 575.000 đồng (năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004182 ngày 08/10/2024.

[3] Về quyền kháng cáo Bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngoan**